

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2023

V/v xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST –HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4303/2023/QĐ-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1045/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/11/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Dương Thanh X, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: **Thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**; Hiện nay đang trú tại: **Đường D, Đ, thành phố C, Đà Loan**, vắng mặt.

Thân nhân của anh Dương Thanh X: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (mẹ đẻ của anh X); địa chỉ: **thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, chị T và anh Dương Thanh X yêu nhau và chung sống với nhau đến năm 2012 thì có con, đến ngày 28/01/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, 02 vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng

11/2018 vợ chồng bàn bạc thống nhất để anh **Dương Thanh X** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Thời gian đầu xa nhau, tình cảm vợ chồng vẫn đầm ấm, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Tình trạng diễn ra kéo dài, mặc dù hai bên cũng đã dàn xếp bỏ qua những thiếu sót của nhau nhưng vẫn không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **X**.

Về quan hệ con chung: Chị **T** trình bày chị và anh **X** có 02 đứa con chung tên **Dương Nguyễn Băng N**, sinh ngày 30/11/2012 và **Dương Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 14/7/2015, ly hôn chị **T** xin được nuôi con và không yêu cầu anh **X** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, chị tự đảm bảo được việc nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị **T** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có ai nợ vợ chồng và vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh **Dương Thanh X**:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác cho Văn phòng kinh tế - Văn hóa **Việt Nam tại Đ** để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh **Dương Thanh X** từ ngày 03/3/2023 nhưng không có kết quả.

Tại Bản tự khai ngày 04/02/2023 bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh **Dương Thanh X** trình bày: Con trai tôi **Dương Thanh X** và con dâu **Nguyễn Thị Thùy T** sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 28/01/2015 tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Trong quá trình chung sống với nhau bà có nghe con trai tâm sự là hai vợ chồng hay cãi vã nhau, con trai tôi ra nước ngoài làm ăn trú tại địa chỉ: **Đường D, Đ, thành phố C, Đài Loan**. Con trai tôi thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại và có nghe nói hiện đang giải quyết ly hôn với vợ và mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống vì vợ chồng không còn tình cảm; Về con chung: Vợ chồng **X – T** có 02 đứa con chung **Dương Nguyễn Băng N**, sinh ngày 30/11/2012 và **Dương Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 14/7/2015, ly hôn chị **T** xin được nuôi con và không yêu cầu anh **X** cấp dưỡng nuôi con, sau khi ly hôn con trai tôi có nguyện vọng đồng ý giao 02 con chung cho chị **T** nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có; Tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án ly hôn và các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án và đã thông báo cho con trai **Dương Thanh X**, vì lý do sức khỏe tôi đề nghị không tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **T** được ly hôn anh **X**; Về con chung: chấp nhận theo nguyện vọng của chị **T** giao hai con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **X** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; về án phí, chi phí tố tụng đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các lời khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn số 3978/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục Q - Bộ C1 thì bị đơn anh **Dương Thanh X** đang ở nước ngoài chưa nhập cảnh vào Việt Nam, vì vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của anh **Dương Thanh X** và chị **Nguyễn Thị Thùy T**:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó có ấn định rõ giờ, ngày tháng năm mở phiên họp hoà giải và phiên tòa. Tuy nhiên, anh **Dương Thanh X** vắng mặt, vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được; Thân nhân của anh **Dương Thanh X** bà **Nguyễn Thị H** (mẹ đẻ của anh **X**) cũng trình bày đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh **X** biết việc chị **T** xin ly hôn, anh **X** cũng đồng ý.

Chị **Nguyễn Thị Thùy T** có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 228; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị **T** và anh **Dương Thanh X**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị **Nguyễn Thị Thùy T** và anh **Dương Thanh X** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì anh **X** đi xuất khẩu lao động, tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị **T** và anh **X** không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **T** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị **T** và anh **X** có 02 đứa con chung, **Dương Nguyễn Bằng N**, sinh ngày 30/11/2012 và **Dương Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 14/7/2015, ly hôn chị **T** xin được nuôi con và không yêu cầu anh **X** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, chị tự đảm bảo được việc nuôi con. Xét hiện nay anh **X** đang ở nước ngoài, các con của anh chị có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **T**. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **X** đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.150.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, 147, 153, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Nguyễn Thị Thùy T** (sinh năm 1996) được ly hôn anh **Dương Thanh X** (sinh năm 1991).

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung **Dương Nguyễn Bằng N**, sinh ngày 30/11/2012 và **Dương Nguyễn Diệp C**, sinh ngày 14/7/2015, cho chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **X** đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị **Nguyễn Thị Thùy T** phải chịu nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0005223 ngày 03/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị **T** phải chịu 3.150.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án xử công khai, chị **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ; Anh **X** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn